

BÀI THỰC HÀNH SỐ 2

CÂU 2:

A. Thực hiện chương trình tính diện tích khi biết chiều dài và chiều rộng

→

/*cho hình chu nhật có chiều dài là 9, chiều rộng là 6,3*/

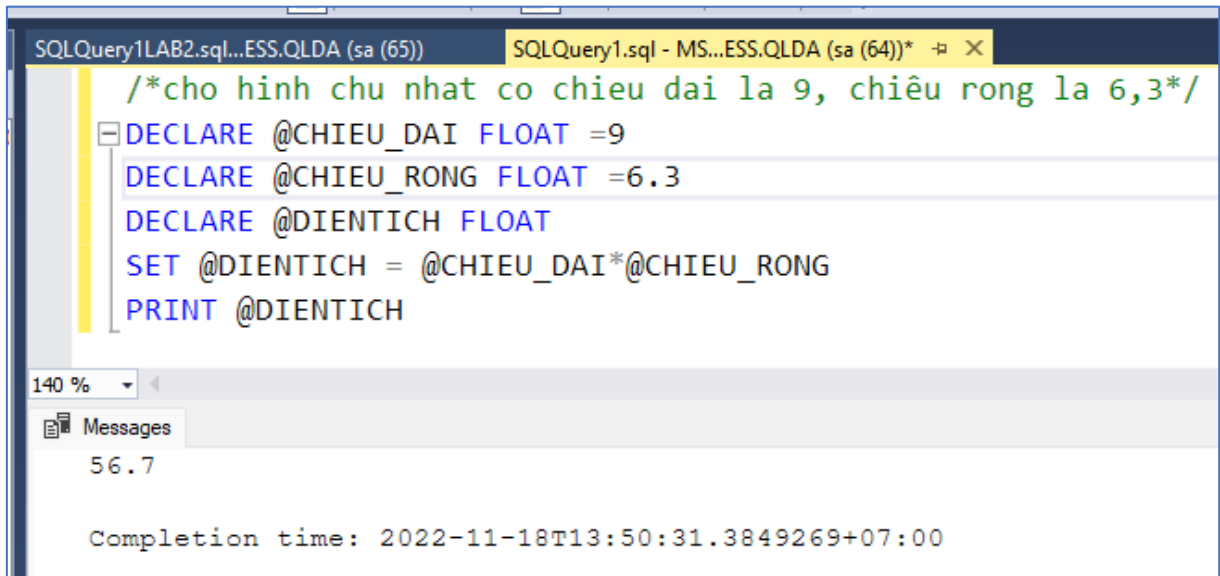
```
DECLARE @CHIEU_DAI FLOAT =9
```

```
DECLARE @CHIEU_RONG FLOAT =6.3
```

```
DECLARE @DIENTICH FLOAT
```

```
SET @DIENTICH = @CHIEU_DAI*@CHIEU_RONG
```

```
PRINT @DIENTICH
```



The screenshot shows a SQL Server Enterprise Manager window with a query titled 'SQLQuery1.sql - MS...ESS.QLDA (sa (64))'. The query text is as follows:

```
/*cho hình chu nhật có chiều dài là 9, chiều rộng là 6,3*/  
DECLARE @CHIEU_DAI FLOAT =9  
DECLARE @CHIEU_RONG FLOAT =6.3  
DECLARE @DIENTICH FLOAT  
SET @DIENTICH = @CHIEU_DAI*@CHIEU_RONG  
PRINT @DIENTICH
```

The 'Messages' pane at the bottom shows the output '56.7'. The 'Completion time' is '2022-11-18T13:50:31.3849269+07:00'.

B. Dựa trên csdl QLDA thực hiện truy vấn, các giá trị truyền vào và trả ra phải dưới dạng sử dụng biến

1. Cho biết nhân viên có lương cao nhất

→

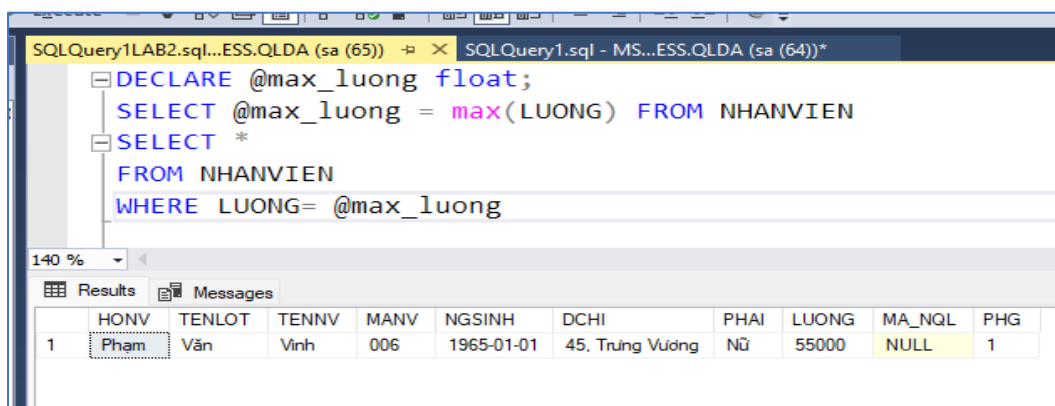
```
DECLARE @max_luong float;
```

```
SELECT @max_luong = max(LUONG) FROM NHANVIEN
```

```
SELECT *
```

```
FROM NHANVIEN
```

```
WHERE LUONG= @max_luong
```



The screenshot shows a SQL Server Enterprise Manager window with a query titled 'SQLQuery1.sql - MS...ESS.QLDA (sa (64))'. The query text is as follows:

```
DECLARE @max_luong float;  
SELECT @max_luong = max(LUONG) FROM NHANVIEN  
SELECT *  
FROM NHANVIEN  
WHERE LUONG= @max_luong
```

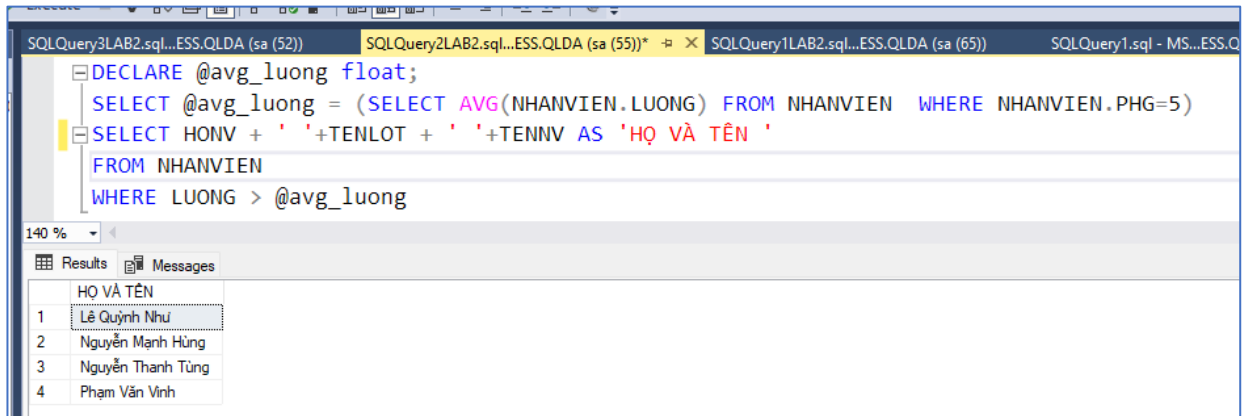
The 'Results' pane at the bottom shows the output of the query. The first row is highlighted, showing the employee with the highest salary.

	HONV	TENLOT	TENNV	MANV	NGSINH	DCHI	PHAI	LUONG	MA_NQL	PHG
1	Phạm	Văn	Vinh	006	1965-01-01	45. Trưng Vương	Nữ	55000	NULL	1

2. Cho biết họ tên nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) có mức lương trên mức lương trung bình của phòng "Nghiên cứu"

→

```
DECLARE @avg_luong float;
SELECT @avg_luong = (SELECT AVG(NHANVIEN.LUONG) FROM NHANVIEN WHERE
NHANVIEN.PHG=5)
SELECT HONV + ' '+TENLOT + ' '+TENNV AS 'HỌ VÀ TÊN '
FROM NHANVIEN
WHERE LUONG > @avg_luong
```



3. Với các phòng ban có mức lương trung bình trên 30,000, liệt kê tên phòng ban và số lượng nhân viên của phòng ban đó.

→

```
DECLARE @PHONG_SL_NV TABLE(
TEN_PHONG NVARCHAR(25) NOT NULL,
SL_NV INT NOT NULL)
INSERT INTO @PHONG_SL_NV
SELECT
    PHONGBAN.TENPHG,
    count(*)
FROM NHANVIEN
INNER JOIN PHONGBAN
ON NHANVIEN.PHG=PHONGBAN.MAPHG
GROUP BY PHONGBAN.TENPHG
HAVING AVG(NHANVIEN.LUONG) > 30000

SELECT *
FROM @PHONG_SL_NV
```

SQLQuery4LAB2.sql...ESS.QLDA (sa (62))* SQLQuery3LAB2.sql...ESS.QLDA (sa

```

DECLARE @PHONG_SL_NV TABLE(
    TEN_PHONG NVARCHAR(25) NOT NULL,
    SL_NV INT NOT NULL)
INSERT INTO @PHONG_SL_NV
SELECT
    PHONGBAN.TENPHG,
    count(*)
FROM NHANVIEN
INNER JOIN PHONGBAN
ON NHANVIEN.PHG=PHONGBAN.MAPHG
GROUP BY PHONGBAN.TENPHG
HAVING AVG(NHANVIEN.LUONG) > 30000

SELECT *
FROM @PHONG_SL_NV

```

140 %

Results Messages

	TEN_PHONG	SL_NV
1	Điều hành	3
2	Nghiên cứu	4
3	Quản lý	1

4. Với mỗi phòng ban, cho biết tên phòng ban và số lượng đề án mà phòng ban đó chủ trì
→

```

DECLARE @PHONG_SL_DA TABLE(
    TEN_PHONG NVARCHAR(25) NOT NULL,
    SL_DA INT NOT NULL)
INSERT INTO @PHONG_SL_DA
SELECT
    PHONGBAN.TENPHG,
    count(*)
FROM DEAN
INNER JOIN PHONGBAN
ON DEAN.PHONG=PHONGBAN.MAPHG
GROUP BY PHONGBAN.TENPHG

SELECT *
FROM @PHONG_SL_DA

```

```
DECLARE @phong TABLE(  
    TEN_PHONG NVARCHAR(25) NOT NULL,  
    SL_DA INT NOT NULL)  
INSERT INTO @phong  
SELECT  
    PHONGBAN.TENPHG,  
    count(*)  
FROM DEAN  
INNER JOIN PHONGBAN  
ON DEAN.PHONG=PHONGBAN.MAPHG  
GROUP BY PHONGBAN.TENPHG  
  
SELECT *  
FROM @phong
```

140 %

Results

Messages

	TEN_PHONG	SL_DA
1	Điều hành	2
2	Nghiên cứu	3
3	Quản lý	1